

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ban án số: 71/2021/HNGĐ – ST

Ngày 01-12-2021

V/v “Ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thành Hải

2. Bà Trần Xuân Đạm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Anh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Ngày 01 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 253/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2021, về việc “Ly hôn và nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Bùi Thị Quỳnh N, sinh năm: 1995 (Có mặt)

HKTT: Kp.Ninh Phước, TT.Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Chỗ ở hiện nay: ấp 5B, xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

*** Bị đơn:** Ông Trần Lê D, sinh năm: 1994 (Vắng mặt có lý do)

HKTT: Kp.Ninh Phước, TT.Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Chỗ ở hiện nay: tổ 88, hẻm Trung Đông 10, ấp Trung Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP.Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 5 năm 2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Bùi Thị Quỳnh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà tự nguyện kết hôn với ông Trần Lê D có tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân TT.Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng sống đến năm 2019 thì phát sinh

mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Nay bà Bùi Thị Quỳnh N yêu cầu được ly hôn với ông Trần Lê D.

Về con chung: Bà Bùi Thị Quỳnh N và ông Trần Lê D có 02 con chung tên là Trần Duy L, sinh ngày 09/4/2014 và Trần Hoàng Đức T, sinh ngày 19/02/2020. Ngoài ra, vợ chồng không có con nuôi. Hiện nay con chung Trần Hoàng Đức T, sinh ngày 19/02/2020 đang sống cùng bà Bùi Thị Quỳnh N còn con chung Trần Duy L, sinh ngày 09/4/2014 đang sống cùng ông Trần Lê D.

Khi ly hôn bà Bùi Thị Quỳnh N được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên là Trần Hoàng Đức T, sinh ngày 19/02/2020. Bà N đồng ý để ông D nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Trần Duy L, sinh ngày 09/4/2014

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà Bùi Thị Quỳnh N và ông Trần Lê D tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà Bùi Thị Quỳnh N và ông Trần Lê D không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Lê D vắng mặt: Tại Bản tự khai ngày 10 tháng 11 năm 2021. Ông Trần Lê D khẳng định có đăng ký kết hôn với bà Bùi Thị Quỳnh N vào năm 2013. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Nay bà Bùi Thị Quỳnh N yêu cầu được ly hôn với ông thì ông đồng ý đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh giải quyết ly hôn cho ông D với bà N.

Về con chung: Bà Bùi Thị Quỳnh N và ông Trần Lê D có 02 con chung tên là Trần Duy L, sinh ngày 09/4/2014 và Trần Hoàng Đức T, sinh ngày 19/02/2020. Ngoài ra, vợ chồng không có con nuôi. Hiện nay con chung Trần Hoàng Đức T, sinh ngày 19/02/2020 đang sống cùng bà Bùi Thị Quỳnh N còn con chung Trần Duy L, sinh ngày 09/4/2014 đang sống cùng ông Trần Lê D.

Khi ly hôn ông D yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên là Trần Duy L, sinh ngày 09/4/2014. Đồng ý để bà N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Trần Hoàng Đức T, sinh ngày 19/02/2020.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông D không yêu cầu bà N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà Bùi Thị Quỳnh N và ông Trần Lê D tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà Bùi Thị Quỳnh N và ông Trần Lê D không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Do bận công việc nên ông Trần Lê D yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Bùi Thị Quỳnh N nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Lê D, yêu cầu của bà Bùi Thị Quỳnh N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do ông Trần Lê D có nơi cư trú tại huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước và ông D đồng ý lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh để giải quyết ly hôn cho ông D nên Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước giải quyết là đúng quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Trần Lê D đã nộp cho Tòa án bản tự khai của mình, ông Trần Lê D có đơn đề nghị được xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Lê D.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Quỳnh N, sinh năm 1995 và ông Trần Lê D, sinh năm 1994 tự nguyện kết hôn vào năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân TT.Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Vì vậy, về quan hệ hôn nhân giữa bà Bùi Thị Quỳnh N và ông Trần Lê D là hợp pháp.

Quá trình chung sống, bà Bùi Thị Quỳnh N xác định vợ chồng có mâu thuẫn, bà Bùi Thị Quỳnh N xác định không còn tình cảm gì với ông Trần Lê D và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, còn ông Trần Lê D thừa nhận trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nay bà Bùi Thị Quỳnh N yêu cầu được ly hôn với ông thì ông đồng ý ly hôn với bà N và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh giải quyết theo quy định của pháp luật. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà Bùi Thị Quỳnh N và ông Trần Lê D đã trầm trọng, cuộc sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Bùi Thị Quỳnh N.

Về con chung: Khi ly hôn bà Bùi Thị Quỳnh N yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên là Trần Hoàng Đức T, sinh ngày 19/02/2020. Bà N đồng ý để ông D nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Trần Duy L, sinh ngày 09/4/2014. ông D đồng ý nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên là Trần Duy L, sinh ngày 09/4/2014. Đồng ý để bà N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Trần Hoàng Đức T, sinh ngày 19/02/2020. Xét nguyện vọng của ông D và bà N về yêu cầu nuôi con chung là tự nguyện, không bị ép buộc và không có tranh chấp

nên cần chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà N và ông D.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông D và bà N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Bà Bùi Thị Quỳnh N và ông Trần Lê D tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà Bùi Thị Quỳnh N và ông Trần Lê D khẳng định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy bà Bùi Thị Quỳnh N phải chịu số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 39 Bộ luật dân sự;
- Điều 51, Điều 56 và Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86, Điều 87 Luật hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Quỳnh N.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Bùi Thị Quỳnh N được ly hôn với ông Trần Lê D.

2/ Về con chung:

Giao con chung Trần Hoàng Đức T, sinh ngày 19/02/2020 cho bà Bùi Thị Quỳnh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Giao con chung Trần Duy L, sinh ngày 09/4/2014 cho ông Trần Lê D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông D và bà N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về tài sản chung và nợ chung: Bà Bùi Thị Quỳnh N và ông Trần Lê D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Bùi Thị Quỳnh N phải chịu 300.000 đồng án phí, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà Bùi Thị Quỳnh N đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tạm ứng án phí số: 0009557 ngày 26/10/2021.

6/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKS huyện Lộc Ninh;
- THADS huyện Lộc Ninh;
- UBND TT.Lộc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Quyết